TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 28 - 4 - 2020
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong

2. Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Nh (Nha)**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp 4, xã LT, huyện LM, tỉnh HG.

Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 16/9/2019): Ông Trương Thanh V, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 37, đường NQTị, phường 5, thành phố VT, tỉnh HG.

Bị đơn: Anh **Mai Văn B**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp VB, xã VL, huyện HD, tỉnh BL.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp VB, xã VL, huyện HD, tỉnh BL.

Ông **Trương Quốc T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp 4, xã LT, huyện LM, tỉnh HG.

Anh **Nguyễn Minh Th**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 4, xã LT, huyện LM, tỉnh HG.

Chị **Trương Thị Tú H**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp 4, xã LT, huyện LM, tỉnh

HG.

Chị **Nguyễn Thị U (Linh)**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp 4, xã LT, huyện LM, tỉnh HG.

(Nguyên đơn, người đại diện nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tất cả đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/12/2019 và lời khai của nguyên đơn cũng như lời khai của anh Trương Thanh V (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày:

Do quen biết nên bà Nguyễn Thị Nh cho anh Mai Văn B vay tiền và mua hàng hóa là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật theo từng đợt như sau:

Tổng số tiền mà anh B vay của bà Nh là 420.000.000 đồng vào các ngày sau: Ngày 05/02/2017 âm lịch cho Bưởi vay 165.000.000 đồng. Bà Nh giao tiền trực tiếp cho anh B nhận.

Ngày 29/5/2017 dương lịch cho B vay 10.000.000 đồng. Bà Nh giao tiền trực tiếp cho anh B nhận.

Ngày 20/6/2017 dương lịch cho B vay 100.000.000 đồng. Bà Nh giao tiền trực tiếp cho anh B nhận 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng bà Nh gửi cho con rễ bà là anh Nguyễn Minh Th giao cho anh B nhận.

Ngày 05/10/2017 dương lịch cho B vay 115.000.000 đồng. Bà Nh gửi tiền cho em gái bà là chị Nguyễn Thị U (Linh) giao cho anh B nhận.

Ngày 07/8/2017 dương lịch cho Bưởi vay 30.000.000 đồng. Bà Nh giao tiền trực tiếp cho anh B nhận.

Lãi suất khi vay các bên thỏa thuận bằng lời nói với mức 2%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay anh B trả cho bà Nh 67.500.000 đồng tiền gốc, không có trả tiền lãi.

Tất cả các lần vay tiền của anh B diễn ra tại nhà của bà Nh và có lập biên nhận nợ. Đến ngày 31/10/2018 dương lịch chốt nợ thì số tiền vay gốc mà anh B còn nợ bà Nh là 352.500.000 đồng. Lúc này các bên thống nhất lập lại chung duy nhất một biên nhận nợ và có anh B ký tên xác nhận còn các biên nhận nợ từng lần vay trước đó được hủy bỏ.

Vào khoảng đầu năm 2017 đến khoảng giữa năm 2018 anh Mai Văn B nhiều lần trực tiếp mua và nhận hàng hóa (phân bón và thuốc bảo vệ thực vật) tại cửa hàng của bà Nh. Quá trình mua bán hàng hóa giữa bà Nh với anh B được bà Nh lập sổ theo dõi. Tính đến nay anh B còn nợ bà Nh tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 87.500.000 đồng. Đến ngày 31/10/2018 dương lịch bà Nh với anh B chốt nợ và lập văn bản nhận nợ với số tiền 87.500.000 đồng có anh B ký tên xác nhận. Sau đó, vào ngày 19/12/2018 âm lịch, mẹ anh B là bà Trần Thị Th có ký tên xác nhận anh B có nợ

bà Nh số tiền vay và mua hàng hóa là 440.000.000 đồng và bà Th đồng ý cùng với anh B trả nợ cho bà Nh.

Như vậy, tổng số tiền mà anh B còn nợ bà Nh đến nay là 440.000.000 đồng. Trong đó, nợ tiền vay gốc là 352.500.000 đồng; nợ tiền mua hàng hóa là 87.500.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu anh Mai Văn B và bà Trần Thị Th (mẹ ruột anh B) trả cho bà số tiền nợ vay gốc là 352.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/11/2017 đến khi xét xử trên số nợ gốc 352.500.000 đồng. Và trả cho bà Nh số tiền nợ mua hàng hóa là 87.500.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/02/2020 người đại diện nguyên đơn có yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Chỉ yêu cầu bà Th và anh B trả tiền lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 31/10/2018 đến ngày xét xử trên số nợ gốc 352.500.000 đồng.

Ngoài ra, bà Nh không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Mai Văn B không có lời trình bày:

(Anh Mai Văn B có hộ khẩu thường trú tại Ấp VB, xã VL, huyện HD, tỉnh BL nhưng anh thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Dó đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh B.)

Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Th trình bày: Bà Th là mẹ ruột anh Mai Văn B, anh B đang sinh sống cùng với bà Th tại Ấp VB, xã VL, huyện HD, tỉnh BL. Bà Th biết anh B có nợ tiền vay và tiền mua hàng hóa là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà Nguyễn Thị Nh nhưng bà không biết số nợ là bao nhiêu. Bà Th có ký tên xác nhận vào biên nhận nợ cùng với anh B và đồng ý cùng anh B trả nợ cho bà Nh.

Vào ngày 02/3/2020 bà Th đến Tòa án chuyển lời của Bưởi đến Tòa án là do Bưởi bận đi làm nên thường xuyên vắng nhà. Vì vậy, Bưởi không thể đến Tòa án theo tinh thần triệu tập của Tòa án. Bưởi xác định là có nợ của bà Nguyễn Thị Nh số tiền vay là 352.500.000 đồng và tiền mau hàng hóa là 87.500.000 đồng. Tổng cộng là 440.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Nh số nợ trên. Nhưng Bưởi yêu cầu cho xin thêm thời gian Bưởi sẽ trả do ngay lúc này Bưởi chưa có điều kiện.

Ngoài ra, bà Th không có yêu cầu gì.

Chị Nguyễn Thị U (Linh) trình bày: Vào năm 2018 không nhớ rõ ngày, tháng nào. Bà Nh có đưa cho chị Út 115.000.000 đồng nhờ chị Út đưa lại cho anh Mai Văn B vay và chị Linh đã đưa lại đủ số tiền này cho anh B trong cùng ngày. Ngoài ra, chị Út không có yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Minh Th trình bày: Vào năm 2018 không nhớ rõ ngày, tháng nào. Bà Nh có đưa cho anh Thắng 50.000.000 đồng nhờ anh Thắng đưa lại cho anh Mai Văn B vay và anh Thắng đã đưa lại đủ số tiền này cho anh B trong cùng ngày.

Ngoài ra, anh Thắng không có yêu cầu gì.

Chị Trương Thị Tú H trình bày: Vào ngày 25/8/2018. Anh B đến nhà trả tiền cho bà Nh nhưng bà Nh vắng nhà nên anh B đưa cho chị Hồng 10.000.000 đồng nhờ chị Hồng gửi trả bà Nh. Sau khi bà Nh về nhà chị Hồng đã đưa lại đủ số tiền trên cho bà Nh. Ngoài ra, chị Hồng không có yêu cầu gì.

Ông Trương Quốc T trình bày: Anh B đến nhà trả tiền cho bà Nh nhưng bà Nh vắng nhà nên anh B đưa cho ông Tuấn 18.000.000 vào ngày 18/8/2018 và 10.000.000 đồng vào ngày 08/9/2018 đồng nhờ ông Tuấn gửi trả bà Nh. Sau khi bà Nh về nhà ông Tuấn đã đưa lại đủ số tiền trên cho bà Nh. Ngoài ra, ông Tuấn không có yêu cầu gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đã nhận đình và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh đối với ông Mai Văn B và bà Trần Thị Th.

Buộc ông Mai Văn B và bà Trần Thị Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nh tổng số tiền là 492.468.450 đồng. Trong đó: Số tiền vay là 352.500.000 đồng, tiền lãi của số tiền vay là 52.468.450 đồng và tiền nợ mua hàng hóa là 87.500.000 đồng.

Buộc ông Mai Văn B và bà Trần Thị Th có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.698.738 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Xét về thủ tục tố tụng:

[1] Về mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và là Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Th vắng mặt tại phiên tòa không thông báo lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại và người đại diện của nguyên đơn cũng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[II] Xét về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn có hai yêu cầu như sau: Thư nhất là, yêu cầu anh Mai Văn B và bà Trần Thị Th trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 352.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 31/10/2018 đến khi xét xử trên số nợ gốc là 352.500.000 đồng.

Thứ hai là, yêu cầu anh Mai Văn B và bà Trần Thị Th trả cho nguyên đơn số tiền nợ mua hàng hóa là 87.500.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai nhận của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th thì giao dịch vay tiền và mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn với bị đơn là có có diễn ra trên thực tế, anh B có nợ tiền vay và tiền mua hàng hóa của bà Nh. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự không phải chứng minh cho sự việc này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th là mẹ ruột và đang sinh sống cùng nhà với anh B xác định: Anh B có nợ bà Nh tiền vay và tiền mua hàng hóa, bà cùng anh B ký tên vào văn bản nhận nợ cho bà Nh nhưng bà không nhớ số nợ là bao nhiêu. Nay bà đồng ý cùng có trách nhiệm với anh B trả nợ cho bà Nh. Đồng thời tại lời khai ngày 02/3/2020 bà Th xác định: Bà đến Tòa án để thay mặt anh B chuyển lời đến Tòa án là do anh B bận đi làm nên thường xuyên vắng nhà. Vì vậy, anh B không thể đến Tòa án theo tinh thần triệu tập của Tòa án. Anh B xác định là có nợ của bà Nguyễn Thị Nh số tiền vay là 352.500.000 đồng và tiền mua hàng hóa là 87.500.000 đồng. Tổng cộng là 440.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Nh số nợ trên. Nhưng anh B yêu cầu cho anh thêm thời gian anh sẽ trả, do ngay lúc này Bưởi chưa có điều kiện.

Xét thấy, lời khai của bà Th đã trùng khớp với lời khai của phía nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nên có cơ sở xác định anh Mai Văn B nợ bà Nguyễn Thị Nh số tiền vay là 352.500.000 đồng và tiền mua hàng hóa là 87.500.000 đồng. Tổng cộng là 440.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu anh Mai Văn B

và bà Trần Thị Th trả tiền lãi kể từ ngày 31/10/2018 đến khi xét xử trên số nợ gốc là 352.500.000 đồng theo mức lãi suất pháp luật quy định. Do yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn được chấp nhận nên yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận. Xét thấy, số tiền lãi mà bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là: 352.500.000 đồng x lãi suất 50% của 20%/năm (tức là 0,83%/tháng) tại thời điểm xét xử (trả nợ) x thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc là 17 tháng 28 ngày = 52.468.450 đồng.

Từ những phân tích như trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Mai Văn B và bà Trần Thị Th cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh tổng số tiền là **492.468.450 đồng**. Trong đó: Số tiền vay gốc là 352.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử trên số nợ vay là 52.468.450 đồng, tiền nợ mua hàng hóa là 87.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Nh được chấp nhận nên bà Nh không phải chịu án phí. Vì vậy, bà Nh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002719 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Buộc anh Mai Văn B và bà Trần Thị Th cùng có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.698.738 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh.

Buộc anh Mai Văn B và bà Trần Thị Th cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh tổng số tiền **492.468.450 đồng**. Trong đó: Số tiền vay gốc là 352.500.000 đồng, tiền lãi trên số nợ vay là 52.468.450 đồng, tiền nợ mua hàng hóa là 87.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002719 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Buộc anh Mai Văn B và bà Trần Thị Th cùng có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.698.738 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (7b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Chí Tâm